

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BCTC HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 07 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh, gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 02/04/2004;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 11/04/2005;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31/05/2006;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 15/09/2006;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 30/07/2007;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 18/07/2008;
 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 19/08/2009.

Vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng)

Danh sách cổ đông sáng lập (theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy)

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hội khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Đào Ngọc Thanh	P114-B3 Giảng Võ, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội	350.360	38,46%
2	Trần Văn Năm	Số nhà 1B, Đường Bùi Ngọc Dương, P.Thanh Nhàn, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	350.360	38,46%
3	Vũ Thị Luyến	Số nhà 50, Ngõ 4, Phố Kim Đồng, P.Giáp Bát, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	55.000	6,04%
4	Hạ Trọng Cường	Nhà số 70, Phố Vọng, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, Hà Nội	39.330	4,32%
5	Phạm Cao Sơn	Số 1, Ngõ 3 Nguyễn Lương Bằng, P.Thanh Bình, TP. Hải Dương, Hải Dương	25.000	2,74%
6	Nguyễn Văn Trang	P6-X3 Tập thể Đại học Xây dựng, P.Bách Khoa, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	26.000	2,85%
7	Đỗ Văn Bình	Số 30 Triệu Việt Vương, P.Bùi Thị Xuân, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	30.000	3,29%
8	Nguyễn Công Tám	Số 14, Phố Thanh Báo, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, Hà Nội	35.000	3,84%

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí ngoại nội thất công trình;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất và buôn bán: Vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị xây dựng, tấm trần, vật liệu chống thấm, đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ đấu giá bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- Khai thác gỗ và lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sản xuất sản phẩm khắc bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công, kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và tuyến cố định;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

Các công ty con của Công ty như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên các công ty con</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Địa chỉ</u>
1.	Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Hạ tầng Thành Nam	62%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
2.	Công ty CP XD và Phát triển Công nghệ Thành Nam	73%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
3.	Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô	51%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
4.	Công ty CP Cơ khí xây dựng Thành Nam	48%	Km 21, đường Láng Hòa Lạc, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
5.	Công ty CP Truyền thông BRIQ	91%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

6. Công ty CP Tư vấn đầu tư 55% Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai,
 và Thương mại Nam Thanh Hà Nội

Các công ty liên kết của Công ty như sau:

<u>STT</u>	<u>Tên các công ty liên kết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Địa chỉ</u>
1.	Công ty TNHH Kính Thành Nam	26%	Số 2, đường TS17, Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh
2.	Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam	23%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
3.	Công ty Cổ phần ĐT & PT Bất Động Sản Thành Nam	28%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
4.	Công ty Cổ phần ĐT PT Bất Động Sản HUDLAND	26%	Tầng 5, số 430 Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội
5.	Công ty CP Xây dựng Dân dụng và CN Thành Nam	26%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
6.	Công ty CP ĐT PT Công nghệ Thành Nam	46%	Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội

<u>STT</u>	<u>Tên Chi nhánh của Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>
1.	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	99 Vạn Kiếp, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Các xí nghiệp trực thuộc công ty

- Xí nghiệp 1	- Xí nghiệp 8
- Xí nghiệp 2	- Xí nghiệp 9
- Xí nghiệp 5	- Xí nghiệp 10
- Xí nghiệp 6	- Xí nghiệp quản lý kinh doanh thiết bị
- Xí nghiệp 7	

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đào Ngọc Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Năm	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Kiên	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Luyến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Trang	Ủy viên
Ông Đỗ Văn Bình	Ủy viên
Bà Đinh Thị Minh Hằng	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đào Ngọc Thanh	Tổng giám đốc
Ông Phạm Cao Sơn	Phó Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Bình	Phó Tổng giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ông Bùi Đình Toàn	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Tùng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trang	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Nguyên Hải	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 29 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty tăng từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Đào Ngọc Thanh

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2010

Số :-10/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được lập ngày 08 tháng 08 năm 2010 của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Tổng Giám đốc từ trang 02 đến trang 05, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc phỏng vấn các nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		258.171.964.679	157.763.441.063
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		69.269.913.823	25.490.000.685
1 Tiền	111	V.1.1	39.269.913.823	25.490.000.685
2 Các khoản tương đương tiền	112	V.1.2	30.000.000.000	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	535.067.700	521.824.000
1 Đầu tư ngắn hạn	121		587.659.725	587.659.725
2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(52.592.025)	(65.835.725)
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		71.149.355.935	54.338.153.620
1 Phải thu của khách hàng	131		61.906.197.618	53.679.663.993
2 Trả trước cho người bán	132		7.378.507.279	17.491.799
5 Các khoản phải thu khác	135	V.3.	1.873.994.238	640.997.828
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(9.343.200)	-
IV Hàng tồn kho	140		85.664.666.779	52.905.598.853
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	85.664.666.779	52.905.598.853
V Tài sản ngắn hạn khác	150		31.552.960.442	24.507.863.905
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		207.140.063	179.382.499
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		273.415.493	117.344.529
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		162.182.964	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158		30.910.221.922	24.211.136.877
B TÀI SẢN DÀI HẠN(200=210+220+240+250+260)	200		206.014.802.518	90.298.194.983
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		52.214.324.991	49.417.707.226
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	39.477.129.938	37.717.583.873
- Nguyên giá	222		48.182.267.270	45.302.407.907
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.705.137.332)	(7.584.824.034)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.6.	497.222.501	560.268.643
- Nguyên giá	225		858.124.322	858.124.322
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(360.901.821)	(297.855.679)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	7.160.965.777	7.163.765.443
- Nguyên giá	228		7.243.041.989	7.243.041.989
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.076.212)	(79.276.546)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8.	5.079.006.775	3.976.089.267
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		150.829.505.949	37.737.476.581
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		32.125.885.169	23.126.616.381
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.9.	118.703.620.780	14.610.860.200
V Tài sản dài hạn khác	260		2.970.971.578	3.143.011.176
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	2.942.086.192	3.114.172.524
3 Tài sản dài hạn khác	268		28.885.386	28.838.652
VI Lợi thế thương mại	269		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	464.186.767.197	248.061.636.046
--	------------	------------------------	------------------------

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		365.652.121.147	199.317.046.320
I Nợ ngắn hạn	310		231.538.334.221	195.334.652.305
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	29.086.294.869	32.629.239.521
2 Phải trả người bán	312		40.382.054.665	32.598.063.636
3 Người mua trả tiền trước	313		47.127.011.052	45.664.869.755
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	7.024.274.244	5.733.770.806
5 Phải trả người lao động	315		3.776.939.171	3.717.981.914
6 Chi phí phải trả	316	V.13.	147.611.957	166.156.666
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	102.373.750.553	73.716.397.904
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.620.397.710	1.108.172.103
II Nợ dài hạn	330		134.113.786.926	3.982.394.015
2 Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 Phải trả dài hạn khác	333		128.176.350.000	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	5.517.510.832	3.576.394.345
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		100.695.173	100.695.173
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		305.304.497	305.304.497
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		13.926.424	
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		89.049.797.672	38.093.012.729
I Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	89.049.797.672	38.093.012.729
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	25.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		30.225.000.000	2.500.000.000
4 Cổ phiếu quỹ	414		(2.100.170.000)	-
6 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	20.453.837
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.450.175.503	1.706.741.459
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		1.065.179.097	1.053.342.303
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	20.409.280
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.409.613.072	7.792.065.850
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		9.484.848.378	10.651.576.997
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		464.186.767.197	248.061.636.046

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DOANH KINH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	145.542.043.526	58.590.571.835
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.19.	145.542.043.526	58.590.571.835
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	136.885.770.911	53.834.385.228
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8.656.272.615	4.756.186.607
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	2.057.560.736	371.378.127
7 Chi phí tài chính	22	VI.22.	1.031.431.606	309.546.408
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.027.231.483	309.546.408
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.505.731.146	3.025.036.025
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.176.670.599	1.792.982.301
11 Thu nhập khác	31		56.704.576	548.178.241
12 Chi phí khác	32		99.337.211	525.243.704
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(42.632.635)	22.934.537
14 Lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45		679.368	-
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		5.134.717.332	1.815.916.838
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1.350.126.188	509.053.881
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		3.784.591.144	1.306.862.957
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		322.501.859	29.374.791
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		3.462.089.285	1.277.488.166
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.23.	1.019	511

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.134.037.964	1.815.916.838
2. Điều chỉnh cho các khoản			318.396.909	1.619.614.954
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.345.113.861	1.335.300.201
- Các khoản dự phòng	03		(3.900.500)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.004.547.935)	(25.231.655)
- Chi phí lãi vay	06		981.731.483	309.546.408
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.452.434.873	3.435.531.792
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.902.292.649)	12.818.715.727
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.759.067.926)	(14.121.706.383)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		167.140.786.723	14.931.647.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		670.650.892	10.838.817
- Tiền lãi vay phải trả	13		(976.372.128)	(152.630.530)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.079.262.759)	(1.038.540.792)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		403.541.570	518.404.100
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(645.900.026)	(399.014.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		115.304.518.570	16.003.246.496
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.272.750.615)	(1.320.536.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		57.554.545	782.541.534
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(115.591.350.000)	(1.085.200.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.181.537.036	26.228.021
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(118.625.009.034)	(1.496.966.588)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		51.905.940.000	660.360.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(170.000)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		24.006.363.978	10.019.759.902
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(26.091.153.989)	(11.463.984.951)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(121.986.753)	(297.682.106)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.598.589.634)	(1.582.517.862)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		47.100.403.602	(2.664.065.017)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		43.779.913.138	11.842.214.891
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		25.490.000.685	6.019.693.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		69.269.913.823	17.861.908.414

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Trần Trọng Đại

Đinh Thị Minh Hằng

Đào Ngọc Thanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam (gọi tắt là 'Công ty') tiền thân là Công ty TNHH Xây dựng Thành Nam được thành lập ngày 01/06/1993 theo Quyết định số 2162/QĐ-UB của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, sau đó được chuyển đổi thành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103003621 ngày 04/02/2004 (đăng ký lần đầu) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 07 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh, gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 02/04/2004;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 11/04/2005;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31/05/2006;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 15/09/2006;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 30/07/2007;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 18/07/2008;
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 19/08/2009.

Vốn điều lệ của Công ty là: **50.000.000.000 đồng** (Năm mươi tỷ đồng)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và cho thuê thiết bị.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật cơ sở hạ tầng;
- Lắp đặt điện nước, điện lạnh, trang trí ngoại nội thất công trình;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
- Sản xuất và buôn bán: Vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị xây dựng, tấm trần, vật liệu chống thấm, đồ gỗ gia dụng, hàng trang trí nội thất, hàng thủ công mỹ nghệ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản; dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ đấu giá bất động sản; dịch vụ định giá bất động sản; dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- Khai thác gỗ và lâm sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất hoá chất (trừ hoá chất Nhà nước cấm);
- Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi;
- Sản xuất sản phẩm khắc bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công, kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan;
- Vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng và tuyến cố định;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ;
- Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cơ sở lưu trú khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính: Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế, chứng khoán);
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

4. Danh sách các Công ty con quan trọng được hợp nhất của Công ty*Trong đó:* - Số lượng công ty con: 06 Công ty**1. Công ty CP Xây dựng và Kỹ thuật Hạ tầng Thành Nam**

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 61%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 56%

2. Công ty CP Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thành Nam

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 73%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

3. Công ty CP Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô

Địa chỉ: Tầng 4, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

4. Công ty CP Cơ khí xây dựng Thành Nam

Địa chỉ: Km 21 đường Láng Hòa Lạc, xã Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 48%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5. Công ty CP Truyền thông BRIQ

Địa chỉ: Tầng 5, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 91%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

6. Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh

Địa chỉ: Phòng 501, Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 55%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****5. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu****1. Công ty TNHH Kinh Thành Nam**

Địa chỉ: Số 2, Đường TS17, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh

Tỷ lệ phần sở hữu: 26%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 26%

2. Công ty CP Kiến trúc và Nội thất Thành Nam

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 23%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 23%

3. Công ty Cổ phần ĐT PT Bất Động Sản HUDLAND

Địa chỉ: Tầng 5, số 430 Ngõ Gia Tự, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 26%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 26%

4. Công ty CP Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Thành Nam

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 26%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 26%

5. Công ty Cổ phần ĐT PT Công nghệ Thành Nam

Địa chỉ: Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tỷ lệ phần sở hữu: 46%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 46%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thành Nam, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Hạ tầng Thành Nam, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Công nghệ Thành Nam, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Nam Thành Đô, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng Thành Nam, báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty Cổ phần Truyền thông BRIQ, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thương mại Nam Thanh bằng cách cộng các khoản mục tương đương của kỳ hoạt động: Tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí của các báo cáo nêu trên. Các nghiệp vụ lưu chuyển nội bộ, các số dư công nợ nội bộ, nguồn vốn đầu tư nội bộ, doanh thu và giá vốn nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****2. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến 30/06/2010

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Riêng Chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận Công ty chưa áp dụng để lập Báo cáo tài chính này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho :** Phương pháp kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	6-7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

3.2 Nguyên tắc ghi nhận phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không có thời hạn và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán trong thời gian là 3 năm.

Riêng quyền sử dụng đất không xác định thời gian sử dụng nên không tính khấu hao theo quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

3.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là: Cần cẩu tháp QTZ 5015, Máy vận thăng SC100/100, Xe ô tô Ford Everest 3438, Xe ô tô Mercedes E240 29S-0389, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê. Cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Máy móc, thiết bị

4

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

4

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm cổ phiếu có thời hạn thu hồi dưới một năm, được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua hoặc cho vay.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết, cho vay vốn có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của các khoản đầu tư ngắn hạn (dài hạn) giảm xuống thấp hơn giá gốc, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá giảm giá khoản đầu tư. Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty đã lập bổ sung dự phòng theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay cao hơn số dự phòng đã lập năm trước.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 16 – Chi phí đi vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe..) và các loại lệ phí mua và trả một lần;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, kế ước vay và thời gian vay thực tế.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được mua lại do chính Công ty phát hành không nhằm mục đích để bán và được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản cổ phiếu mà công ty con mua lại của Công ty mẹ được trình bày là khoản Cổ phiếu quỹ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, cho thuê thiết bị..., Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, thu cổ tức...

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực số 15 – " Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê thiết bị được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 – " Doanh thu và thu nhập khác".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Các nghĩa vụ về thuế

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các hoạt động xây dựng và cho thuê thiết bị.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

1.1 Tiền	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	7.462.362.010	3.414.936.818
Tiền gửi ngân hàng	31.807.551.813	22.075.063.867
Cộng	39.269.913.823	25.490.000.685
1.2 Các khoản tương đương tiền	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng NNo&PTNT Việt Nam - chi nhánh Hùng Vương	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
2.1 Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	4.071	137.659.725	4.071	137.659.725
- GTA	1	60.428	1	60.428
- PVS	70	5.517.647	70	5.517.647
- BVH	1.000	80.000.000	1.000	80.000.000
- VTO	3.000	52.081.650	3.000	52.081.650
2.2 Đầu tư ngắn hạn khác		30/06/2010		01/01/2010
		VND		VND
Đầu tư cho vay				
Công ty CP Kính Thành Nam vay		450.000.000		450.000.000
2.3 Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	30/06/2010		01/01/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (VND)
Dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn hạn	4.071	(52.592.025)	4.071	(65.835.725)
- GTA	1	(48.728)	1	(48.428)
- PVS	70	(3.361.647)	70	(3.305.647)
- BVH	1.000	(34.000.000)	1.000	(49.400.000)
- VTO	3.000	(15.181.650)	3.000	(13.081.650)
Cộng các khoản đầu tư tài chính		535.067.700		521.824.000

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Kính Thành Nam	157.497.956	157.497.956
Công ty Comaland	347.043.912	347.043.912
Công ty TNHH BMS Thành Nam	100.000.000	-
Đối tượng khác	1.269.452.370	136.455.960
Cộng	1.873.994.238	640.997.828

4. Hàng tồn kho

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	796.703.002
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	85.659.366.779	52.108.895.851
Cộng giá gốc hàng tồn kho	85.664.666.779	52.905.598.853

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****6. Tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2010	420.616.913	437.507.409	858.124.322
Thuê tài chính trong kỳ	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	420.616.913	437.507.409	858.124.322
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2010	253.926.619	43.929.060	297.855.679
Khấu hao trong kỳ	25.392.662	37.653.480	63.046.142
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	279.319.281	81.582.540	360.901.821
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2010	166.690.294	393.578.349	560.268.643
Tại ngày 30/06/2010	141.297.632	355.924.869	497.222.501

7. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2010	7.153.499.999	89.541.990	7.243.041.989
Mua trong kỳ	-	-	-
Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	7.153.499.999	89.541.990	7.243.041.989
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2010	-	79.276.546	79.276.546
Khấu hao trong kỳ	-	2.799.666	2.799.666
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	-	82.076.212	82.076.212
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2010	7.153.499.999	10.265.444	7.163.765.443
Tại ngày 30/06/2010	7.153.499.999	7.465.778	7.160.965.777

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
	Công trình Trụ sở tại Bán đảo Linh Đàm	3.258.599.036	2.065.819.619
	Công trình tại Hà Tây	1.820.407.739	1.820.407.739
	Công trình khác	-	89.861.909
	Cộng	5.079.006.775	3.976.089.267
9. Đầu tư dài hạn khác		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
	Trái phiếu Chính phủ	500.000	500.000
	Đầu tư trái phiếu	1.000.000	1.000.000
	Công ty CP Thương mại và Xây dựng Kinh Đô	59.360.200	59.360.200
	Công ty CP Đầu tư và XNK Thành Nam	550.000.000	550.000.000
	Công ty CP ĐT & PT BĐS Thành Nam	1.801.410.580	-
	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Việt Hưng	14.000.000.000	14.000.000.000
	Công ty CP Coma Land ĐT và PT Bất động sản	23.454.850.000	-
	Công ty kinh doanh bất động sản Viglacera	78.836.500.000	-
	Cộng	118.703.620.780	14.610.860.200
10. Chi phí trả trước dài hạn		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
	Chi phí công cụ dụng cụ	2.263.484.865	2.325.545.458
	Chi phí thành lập doanh nghiệp	327.238.380	506.824.494
	Chi phí khác	351.362.947	281.802.572
	Cộng	2.942.086.192	3.114.172.524
11. Vay và nợ ngắn hạn		30/06/2010	01/01/2010
		VND	VND
	Vay ngắn hạn	28.995.930.510	32.416.888.409
	<i>Văn phòng Công ty</i>		
	<i><u>Lãi suất/năm</u></i>	<i>22.015.930.510</i>	<i>24.628.044.409</i>
	Vay ngân hàng	14.971.041.478	13.886.916.017
	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn	14,5%	13.206.916.017
	Ngân hàng Hàng hải chi nhánh Thanh Xuân	14,5%	680.000.000
	Vay cá nhân	7.044.889.032	10.741.128.392
	Đào Ngọc Thanh	12%	2.542.595.496
	Đặng Thu Vịnh	12%	1.560.197.643
	Lương Ngọc Huyền	12%	6.378.677.824
	Lê Anh	12%	259.657.429
	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam	4.035.000.000	5.650.000.000
	Vay cá nhân	4.035.000.000	5.650.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

<i>Đào Ngọc Thanh</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Nguyễn Văn Trang</i>	200.000.000	200.000.000
<i>Vũ Văn Chiến</i>	1.020.000.000	1.240.000.000
<i>Vương Hoàng Long</i>	705.000.000	1.800.000.000
<i>Bùi Thị Dương</i>	-	300.000.000
<i>Nguyễn Thị Ngọc Hương</i>	610.000.000	610.000.000
Công ty CP Tư vấn đầu tư và Thương mại Nam Thanh	2.100.000.000	93.844.000
Vay cá nhân <i>12%/năm</i>	2.100.000.000	93.844.000
Công ty CP Xây dựng và Hạ tầng kỹ thuật Thành Nam	845.000.000	2.045.000.000
Vay cá nhân	845.000.000	645.000.000
<i>Vũ Thị Hoa</i>	845.000.000	645.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thanh Trì - PGD Linh Đàm	-	1.400.000.000
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	90.364.359	212.351.112
Văn phòng Công ty	90.364.359	212.351.112
Vay dài hạn đến hạn trả_Ngân hàng TMCP Quân đội	90.364.359	212.351.112
Cộng	29.086.294.869	32.629.239.521
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.323.612.308	3.436.095.178
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.488.876.991	2.288.019.358
Thuế Thu nhập cá nhân	211.784.945	9.361.670
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	294.600
Cộng	7.024.274.244	5.733.770.806
13. Chi phí phải trả	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.482.101	115.537.290
Chi phí dịch vụ văn phòng phải trả	70.129.856	40.619.376
Chi phí kiểm toán	-	10.000.000
Cộng	147.611.957	166.156.666
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	70.215.441	92.660.616
Bảo hiểm xã hội	14.851.535	8.751.559
Bảo hiểm y tế	5.668.512	2.013.450
Các khoản phải trả, phải nộp khác	102.283.015.065	73.612.972.279
<i>Đào Ngọc Thanh</i>	-	5.550.000.000
<i>Đào Tuyết Trinh</i>	-	5.200.000.000
<i>Nguyễn Văn Thái (lái xe)</i>	-	1.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

<i>Đặng Thu Vịnh</i>	-	1.300.000.000
<i>Công ty cổ phần ĐT và PT Đô thị Việt Hưng</i>	38.859.060.000	13.809.000.000
<i>Cty CP kỹ nghệ và hạ tầng Telin</i>	2.390.000.000	2.190.000.000
<i>Tổng công ty cơ khí xây dựng</i>	6.826.000.000	6.826.000.000
<i>Xí nghiệp 1 (Nguyễn Hồng Phú)</i>	6.032.619.592	6.525.834.710
<i>Xí nghiệp 2</i>	13.805.090.083	14.924.339.528
<i>Xí nghiệp 5</i>	3.852.311.243	-
<i>Xí Nghiệp 6 (Đầu Minh Luân)</i>	-	755.468.765
<i>Xí Nghiệp 9</i>	1.532.474.937	-
<i>Xí nghiệp 10</i>	12.350.632.362	8.854.582.796
<i>Nguyễn Văn Dân</i>	1.141.760.072	2.855.960.418
<i>Đặng Hữu Kỳ</i>	10.992.423.540	-
<i>Đối tượng khác</i>	4.500.643.236	3.521.786.062
Cộng	102.373.750.553	73.716.397.904
15. Vay và nợ dài hạn	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
a) Vay dài hạn	<i>Lãi suất/năm</i>	
Vay ngân hàng	5.257.768.190	3.316.651.703
<i>Ngân hàng TMCP Quân đội</i>	1.819.921.667	77.200.000
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội</i>	77.200.000	77.200.000
<i>Ngân hàng NNo & PT NT Việt Nam</i>	501.666.667	-
<i>Ngân hàng NNo & PT NT Việt Nam</i>	1.241.055.000	-
Vay cá nhân	3.437.846.523	3.239.451.703
<i>Hạ Trọng Cường</i>	1.347.302.718	1.269.551.173
<i>Đặng Thu Vịnh</i>	1.196.372.471	1.127.330.965
<i>Đào Ngọc Thanh</i>	894.171.334	842.569.565
b) Nợ dài hạn	259.742.642	259.742.642
<i>Công ty cho thuê tài chính NHNT Việt Nam</i>	259.742.642	259.742.642
Cộng	5.517.510.832	3.576.394.345
16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số đầu năm	-	4.796.985
Số phát sinh trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	-	(4.796.985)
Số cuối năm	-	-
b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	4.652.681

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước

- (4.652.681)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

- -

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2009	25.000.000.000	2.500.000.000	2.880.273.299	30.380.273.299
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	8.823.138.330	8.823.138.330
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	(1.898.861.511)	(1.898.861.511)
Chia cổ tức	-	-	(1.575.000.000)	(1.575.000.000)
Giảm khác	-	-	(437.484.268)	(437.484.268)
Số dư tại ngày 31/12/2009	25.000.000.000	2.500.000.000	7.792.065.850	35.292.065.850
Tăng vốn trong kỳ này	25.000.000.000	27.725.000.000	-	52.725.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-	3.462.089.285	3.462.089.285
Tăng khác	-	-	1.032.074.974	1.032.074.974
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	1.361.227.213	1.361.227.213
Chia cổ tức	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Giảm khác	-	-	515.389.824	515.389.824
Số dư tại ngày 30/06/2010	50.000.000.000	30.225.000.000	7.409.613.072	87.634.613.072

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông sáng lập	15.805.570.000	12.829.960.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34.194.430.000	12.170.040.000
Cộng	50.000.000.000	25.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp đầu năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	25.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	50.000.000.000	25.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.000.000.000	1.575.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

d) Cổ phiếu	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	2.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	17	-
- Cổ phiếu phổ thông	17	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.999.983	2.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.999.983	2.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

e) Các quỹ của công ty	01/01/2010	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2010
Quỹ đầu tư phát triển	1.706.741.459	743.434.044	-	2.450.175.503
Quỹ dự phòng tài chính	1.053.342.303	11.836.794	-	1.065.179.097
Tổng cộng	2.760.083.762	755.270.838	-	3.515.354.600

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.288.447.626	2.972.768.137
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	11.280.701.291	7.249.450.965
Doanh thu hoạt động xây dựng	124.972.894.609	48.368.352.733
Cộng	145.542.043.526	58.590.571.835
19. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	9.288.447.626	2.972.768.137

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)**

Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	11.280.701.291	7.249.450.965
Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	124.972.894.609	48.368.352.733
Cộng	145.542.043.526	58.590.571.835
20. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.237.934.844	2.792.983.055
Giá vốn bán vật tư, hàng hóa	10.959.407.030	10.627.218.528
Giá vốn hoạt động xây dựng	117.688.429.037	40.414.183.645
Cộng	136.885.770.911	53.834.385.228
21. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	452.896.164	136.753.132
Cổ tức được chia	746.664.572	234.624.995
Doanh thu hoạt động tài chính khác	858.000.000	-
Cộng	2.057.560.736	371.378.127
22. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.027.231.483	309.546.408
Chi phí tài chính khác	4.200.123	-
Cộng	1.031.431.606	309.546.408
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.462.089.285	1.277.488.166
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.462.089.285	1.277.488.166
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.396.328	2.500.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.019	511

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010****(tiếp theo)****VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất****24. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	1.500.000.000	-
Tiền lãi vay được vốn hóa vào giá trị của công trình Trụ sở ở Bán đảo Linh Đàm	604.948.599	910.095.757

VIII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 29 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thì vốn điều lệ của Công ty tăng từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 do Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam lập, một số chỉ tiêu đã được phân loại cho phù hợp với quyết định 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

*Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2010***CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM****Người lập****Kế toán trưởng****Tổng giám đốc****Trần Trọng Đại****Đinh Thị Minh Hằng****Đào Ngọc Thanh**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG THÀNH NAM

Lô CC5A Bán Đảo Linh Đàm - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Tel: 04 35 632 763 Fax: 04 35 632 762

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**GIỮA NIÊN ĐỘ HỢP NHẤT**

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mẫu B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010***(tiếp theo)***5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư ngày 01/01/2010	32.704.457.001	6.154.794.545	5.515.349.075	927.807.286	45.302.407.907
Mua trong kỳ	-	2.288.703.936	771.011.818	77.112.130	3.136.827.884
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(84.547.122)	(172.421.399)	-	(256.968.521)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	32.704.457.001	8.358.951.359	6.113.939.494	1.004.919.416	48.182.267.270
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư ngày 01/01/2010	1.209.664.049	3.678.303.663	2.211.014.410	485.841.912	7.584.824.034
Khấu hao trong kỳ	342.721.395	531.380.157	344.998.504	60.167.997	1.279.268.053
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(79.594.755)	(79.360.000)	-	(158.954.755)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	1.552.385.444	4.130.089.065	2.476.652.914	546.009.909	8.705.137.332
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	31.494.792.952	2.476.490.882	3.304.334.665	441.965.374	37.717.583.873
Tại ngày 30/06/2010	31.152.071.557	4.228.862.294	3.637.286.580	458.909.507	39.477.129.938

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.379.662.623 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.733.103.233 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 VND

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 VND